

**GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNIST**
Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam

P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL: (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị

(Two Copies)

IV. # _____
VEWL. # _____
F171: _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có

1. Name (Family name, middle, first): NGUYEN CHINH TIEP
(Họ và tên theo thủ tục Việt Nam)
2. Sex: M DOB: 09/12/38 / Place of Birth: Saigon, Vietnam
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit: DAI UY GIANG VIEN VIET NGU
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST

(Giám giữ)

1. Date & Place of Arrest: 1975
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: SU DOAN 3
(Tên, địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: 05/19/79
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: MARRIED NGUYEN THI THAO (wife) 11/15/45
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children: NGUYEN THI UYEN TRANG (dau) 02/14/71
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
NGUYEN CHINH NGHIA (son) 10/15/74

3. Address of family: 95/5 To Dan, Quan 4, Ho Chi Minh Vietnam
(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: NGUYEN HUU LUAT Occupation: Thợ may (nghề nghiệp)
(Họ và tên)
2. Address and phone number: _____
(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee: _____
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in U.S.A.: Permanent Resident ☐ U.S. Citizen ☒
(Tình trạng cư trú)

5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đường sự không?) Yes ☒ No ☐

Date: 09/11/89
(Ngày, tháng, năm)

Leath Nguyen
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)
(Certificate of Release)

Ministry of Interior

Camp

Serial No.

REPUBLIC SOCIALISM OF VIET NAM
INDEPENDENCE - LIBERTY - HAPPINESS

CERTIFICATE OF RELEASE FROM CAMP

According to the Circular No. 07TT/LB on Dec. 29, 1977 of the Interior Ministry.
In executing the Decision of Release No. 60A/QD on 04-27-79 of Interior Ministry.

This Certificate is issue to:

Full name	NGUYEN CHINH TIEP
Date of birth	1938
Place of birth	SAIGON
Residence	95/5 TON DAN, DISTRICT 4, SG
Offence	CAPTAIN LANGUAGE INSTRUCTOR
Arrested on	04-30-75
Judgement	----
Domicile at	95/5 TON DAN, DISTRICT 4, HO CHI MINH CITY

Observation of the past record of Re-education : 12 month-probation

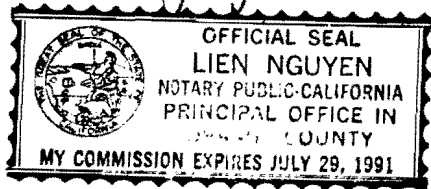
Thoughts	N/A
Manual Works	----
Regulations	----
Education & Training	----
Probation	----
Right Index Print	----

On May 09, 1979
Supervisor

Name & Signature
Sealed.

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

18th DAY OF September, 1989
Lien Nguyen NOTARY PUBLIC



I, declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

Kim Pham

BỘ QUỐC PHÒNG

Cục Quân Pháp

SỰ DẠO DẪN

Số: 102/77

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TW ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Thông - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 31 ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 50A/77 ngày 22/4/1979 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: Nguyễn chính tiếp

Ngày, tháng, năm sinh: 1938

Quê quán: Đài Loan

Trú quán: trạm trú C1 tháng 95/5 tôn dân quận 4

Nơi cho về: 95/5 tôn dân, quận 4, T, P, H, C, N.

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 58/10517

đại úy, giảng viên Việt ngữ

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: 95/5 tôn dân, quận 4, T, P, H, C, N. thuộc Huyện, Quận: 4, Tỉnh, Thành phố: H, C, N. và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: (mười hai tháng)

- Thời hạn đi đường: (hai) ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: có phiếu cấp phát kèm theo



Ngày 11 tháng 05 năm 1977

QUỐC PHÒNG

TỔ TRƯỞNG VAI: BA

REPUBLIC OF VIET NAM

CITY SAIGON

DISTRICT 4

HAMLET -----

No 16

EXTRACT OF MARRIAGE CERTIFICATE

Husband's name	NGUYEN CHINH TIEP
Occupation	MILITARY
Date of birth	SEP. 12, 1938
Place of birth	SAIGON
Residence	SAIGON, 95/5 TON DAN
Husband's father name	NGUYEN CHINH HE
Husband's mother name	NGUYEN THI VUON
Wife's name	NGUYEN THI THAO
Occupation	HOUSEWIFE
Date of birth	NOV. 15, 1945
Place of birth	PHU VINH, CHAU DOC
Residence	SAIGON, 22 TON DAN
Wife's father name	NGUYEN VAN BO (DECEASED)
Wife's mother name	NGUYEN THI DAU
Date of marriage	JAN. 19, 1970

EXTRACT FROM THE ORIGINAL

AT SAIGON, ON FEB. 19, 1971

CIVIL STATUS OFFICER

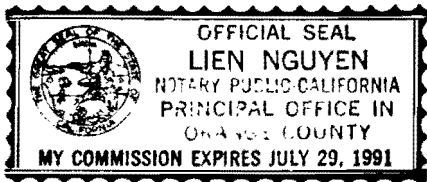
SIGNED AND SEALED

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

18th DAY OF September, 1989
Lien Nguyen NOTARY PUBLIC

I, declare that I am proficient
in both Vietnamese and English
and the above translation is to
the best of my knowledge, a true
and correct translation.

Kim Pham



VIỆT NAM CNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN Tu

Số hiệu 16

0

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG Nguyễn Văn Tập

nghề-nghiệp Quản đốc

sinh ngày 12 tháng 09 năm 1938

tại Saigon

cư trú tại Saigon 0 95/5 Tôn Văn

tạm trú tại //

Tên họ cha chồng Nguyễn Văn Mỹ

(Số g c ết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Nguyễn Thị Ngọc

(Số g c ết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ Nguyễn Thị Thảo

nghề-nghiệp Nội trợ

sinh ngày 15 tháng 11 năm 1943

tại Phố Vĩnh Cửu

cư trú tại Saigon 22 Tôn Văn

tạm trú tại //

Tên họ cha vợ Nguyễn Văn Ba (c)

(Số g c ết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn Thị Nga

(Số g c ết phải nói)

Ngày lập hôn-thú 19 tháng giêng năm 1970

Vợ chồng khai có hay không //

ngày // tháng // năm //

tại //

TRÍCH LỤC Y BỐN CHÍNH: 7/6

Saigon, ngày 19 tháng 2 năm 1970

TU. QUẬN-TRƯỞNG QUẬN

Viên-Chức Hộ-Tịch,

[Signature]

On Mar. 06, 1956
No. 109/ND

AFFIDAVIT IN LIEU OF BIRTH CERTIFICATE FOR:

NGUYEN CHINH TIEP

Court of First Instance, trying civil case, in its public session on
Mar. 06, 1956, comprising of:

Presiding Judge	Ha-Duong-Vy
Prosecutor	Nguyen-Trong-Thac
Court Clerk	Le-Minh-chanh

Delivered the following Decree

DECREE

COURT

Seeing the petition of Nguyen Chinh He

IN VIEW THE FOREGOING

Certify that Nguyen-Chinh-He and Nguyen-Thi-Vuong recognized Nguyen-Chinh-Tiep as their child.

It is ordered that:

NGUYEN CHINH TIEP (MALE)

Born on Sep. 12, 1938 at Saigon, District 6

Is the child of Nguyen-Chinh-He and Nguyen-Thi-Vuong.

EXTRACT COPY FROM THE ORIGINAL

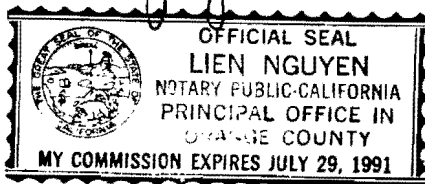
AT SAIGON ON JAN. 27, 1967

CHIEF OF COURT CLERK
SIGNED AND SEALED

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON 11th

DAY OF September, 1989

NOTARY PUBLIC



I, declare that I am proficient in both
English and Vietnamese and the above
translation is to the best of my know-
ledge, a true and correct translation.

Kim Dean

Ngày 6 tháng 3 năm 1967
Số 109/NĐ

Tòa **Sơ-Thẩm Saigon** về việc
Hộ trong phiên nhóm công khai
ngày 6 tháng 3 năm 1967
gồm có các ông :

Án thế-vì khai sanh cho
NGUYỄN-CHÍNH-TIỆP

Chánh-Án : **Hà-Dương-Vỹ**
Biện-Lý : **Nguyễn-Trọng-Thảo**
Lục Sự : **Lê-Minh-Chánh**

đã lên bản án như sau :

BẢN ÁN

TÒA ÁN

Chiếu theo đơn của **Nguyễn-Chính-Hệ**
xin án thế-vì khai-sanh cho **con**

BỞI CÁC LẺ ẤY .

Chúng nhận **Nguyễn-Chính-Hệ** và **Nguyễn-Thị-Vượng** nhận
Nguyễn-Chính-Tiếp là con.

Phán rằng :

Nguyễn-Chính-Tiếp , nam, sanh ngày
12-9-1938, tại Saigon, Quận Sáu, con của **Nguyễn-Chính-**
Hệ và **Nguyễn-Thị-Vượng**./-

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
CON NIÊM
4.00

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
CON NIÊM
4.00

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
CON NIÊM
4.00

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
CON NIÊM
4.00

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
CON NIÊM
4.00

Phán rằng án này thế-vì khai-sanh cho **trẻ ấy**
Dạy ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên
Saigon, Quận Sáu

và lược biên án này vào lẽ tờ khai-sanh gần nhất ngày **12-9-1967**
giữ lại lưu-trữ công-văn
và Phòng Lục-Sự Tòa-Án sở tại

Quận Sáu, Saigon
Dạy nguyên-dơn chịu hết án phí
Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kể trên,
Ký tên : **Hà-Dương-Vỹ** **Lê-Minh-Chánh**
Trước-bạ tại Phòng Ba (Saigon) ngày
Quyền Tờ Số **123/32**
Thầu :

TRÍCH Y BAN CHÁNH

Saigon ngày 27 tháng 1 năm 1967

CHÁNH LỤC-SỰ

Nguyễn-Van-Nam

GIA TIỀN	
Con niêm.....	20\$00
Bổng lộc.....	5\$00
Biên lai.....	0\$50
Cộng chung...	25\$50

REPUBLIC OF VIETNAM
MINISTRY OF FINANCE
OFFICE OF FINANCE SOUTH VIETNAM
COURT OF FIRST INSTANCE
DATE May 22, 1954
AFFIDAVIT IN LIEU OF BIRTH-
CERTIFICATE FOR
NGUYEN THI THAO

No 1481

EXTRACT OF CIVIL STATUS DOCUMENT AT
THE OFFICE OF COURT CLERK
COURT CHAU DOC

AN AFFIDAVIT IN LIEU OF BIRTH CERTIFICATE
IS ISSUED TO NGUYEN THI THAO
BY Mr. Doan-Ba-Loc
JUDGE OF THE COURT OF FIRST INSTANCE
ISSUED ON MAY 22, 1954

EXTRACT AS FOLLOWING:

Tran Van Long, Huynh Van Dan, Nguyen Van Liu

The above witnesses after listening to the article 16 of
the Decree on 11-17-47 from the Prime Ministry of the Pro-
visional Government South Viet Nam and article 363 and
after taking oath, certify that they know:

NGUYEN THI THAO (FEMALE)
Born on Nov. 15, 1945 at Phu Vinh, Chau Doc
Is the child of Nguyen-Van-Bo and Nguyen-Thi-Dau

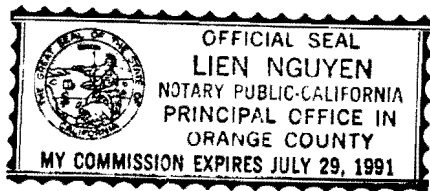
EXTRACT COPY FROM THE ORIGINAL

AT CHAU DOC ON APRIL 22, 1971

CHIEF OF THE COURT CLERK
SIGNED AND SEALED

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

16 DAY OF September, 1989
Lien Nguyen NOTARY PUBLIC



I, declare that I am proficient
in both English and Vietnamese
and the above translation is to
be the best of my knowledge, a
true and correct translation.

Kim Blum

TÓI-CÁC PHÁP-VĂN

TRÌNH-LỤC VĂN-KIỆN THE-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỞ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

TÒA-Châu-độc

(1) Ngày 22-5-1954

Giấy thể lệ khai-sanh

cho Nguyễn-thị-Thảo

(1) 55 1481

TÒA-Sơ-thẩm-Châu-độc

khai-sanh

Nguyễn-thị-Thảo

Đoàn-bá-Lộc

Chánh-Án-Tòa

HGRQ-Châu-độc

mà trước Thẩm-Phán Hòa-Giã. Tiếp ngày 22 tháng 5 năm 1954

và 35 trước đây;

TRÌNH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Trần-văn-Long, Huỳnh-văn-Dân, Nguyễn-văn-Liệu

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Cảnh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên thệ, quá-quyết và bảo đảm rằng:

✓ đương lịch ./-

Nguyễn-thị-Thảo, nữ, sanh ngày 15 tháng 11 năm 1945 (15-11-1945) tại làng Phú-vĩnh, Tỉnh Châu-độc, con của Nguyễn-văn-Đo và Nguyễn-thị-Dậu ./-

Do giấy báo hôn thú số 16/HT/Q4 của Viên chức Hộ tịch Tòa Hành-chánh Quận Tự Saigon ngày 22-1-1970:

Ông Nguyễn-chính-Tiếp và Cô Nguyễn-thị-Thảo có lập hôn thú tại Quận Tự ngày 19-1-1970

Chứng thư hôn thú số 16.

CUỘC Y

Châu-độc, ngày 24 tháng 2 năm 1970

Chánh Lục Sự

Ấn ký: Dương-thanh-Tùng

Ls số 15800-BL số: 562

(1) Lập lại số ngày tháng và năm
vấn đây mỗi khi xin miễn hạn

Soat Tỉnh

Vũ

TRÌNH-LỤC Y THEO HẸN CHÁNH

Châu-độc

ngày 22 tháng 4 năm 1971

CHÁNH LỤC-SỰ

DƯƠNG-THANH-TÙNG

REPUBLIC OF VIET NAM

CITY SAIGON

No 8758B

TRUE COPY OF BIRTH CERTIFICATE

ESTABLISHED ON OCT. 22, 1974

Child's name NGUYEN CHINH NGHIA
Sex MALE
Date of birth OCT. 15, 1974
Place of birth SAIGON, 284 CONG QUYNH
Father's name NGUYEN CHINH TIEP
Mother's name NGUYEN THI THAO
Wife's rank 1st.
Applicant's name PHAM THI BUOI

CERTIFY TRUE COPY FROM THE ORIGINAL

SAIGON, ON NOV. 06, 1974

CIVIL STATUS

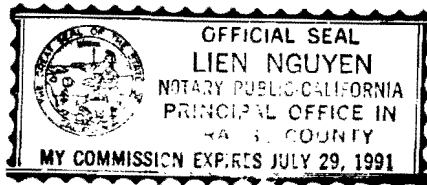
SIGNED AND SEALED

I, declare that I am proficient in both
English and Vietnamese and the above
translation is to the best of my knowledge,
a true and correct translation.

Kim Rham

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

18th DAY OF September, 1989
Lien Nguyen NOTARY PUBLIC



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: IIILập ngày 22 tháng 10 năm 1974 HVC/6bPHƯỜNG THUẬNSố hiệu: 2751B

Tên họ đứa trẻ. . . .	NGUYỄN CHÍNH NGHĨA
Con trai hay con gái. .	Nam
Ngày sinh.	Mười lăm tháng mười năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm, 21/11/45
Nơi sinh.	Saigon, 204 Công Quỳnh
Tên họ người cha. . .	NGUYỄN CHÍNH TIẾP
Tên họ người mẹ. . .	NGUYỄN THỊ THAO
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	PHẠM MHI LƯC

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 6 tháng II năm 1974

Viên-Chức Hộ-Tịch



CHAM BANG GIA

SOUTHERN VIET NAM
CITY SAIGON
No 1619A

REPUBLIC OF VIET NAM
CIVIL STATUS

EXTRACT OF BIRTH CERTIFICATE
YEAR OF 1971

Child's name	NGUYEN THI UYEN TRANG
Sex	FEMALE
Date of birth	FEB. 14, 1971
Place of birth	SAIGON, 284 CONG QUYNH
Father's name	NGUYEN CHINH TIEP
Age	33
Occupation	MILITARY
Residence	SAIGON, 95/5 TON DAN
Mother's name	NGUYEN THI THAO
Occupation	HOUSEWIFE
Residence	SAIGON, 95/5 TON DAN
Wife's rank	1st.

ESTABLISHED AT SAIGON ON FEB. 15, 1971
EXTRACT FROM THE ORIGINAL

AT SAIGON ON FEB. 22, 1971

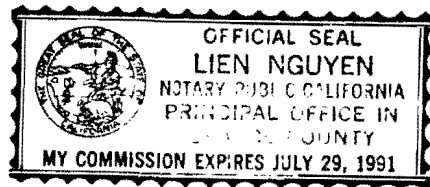
CIVIL STATUS
SIGNED & SEALED

I, declare that I am proficient in both
English and Vietnamese and the above
translation is to the best of my know-
ledge, a true and correct translation.

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

18th DAY OF September, 1989
Lien Nguyen
NOTARY PUBLIC

Kim Nam



Số hiệu 1619A

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm ~~Bay mươi mốt~~ (1971)

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYỄN THỊ UYÊN TRANG
Phái	Nữ
Ngày sanh	Mười bốn tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt, 6 g 20
Nơi sanh	Saigon, 284 Cong-Quynh
Tên, họ người Cha	NGUYỄN CHÍNH TIẾP
Tuổi	Ba mươi ba
Nghề-nghiệp	Quan-Nhan
Nơi cư-ngụ	Saigon, 95/5 Ton-Dan
Tên, họ người mẹ	NGUYỄN THỊ THAO
Tuổi	Hai mươi sáu
Nghề-nghiệp	Nội-trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 95/5 Ton-Dan
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 15 tháng 8 năm 1971

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH:

Saigon, ngày 22 tháng 8 năm 1971

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN NHÌ



NGUYỄN-NHON-NẠO

C O N T R O L

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form 62/2/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter